

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 19

Phẩm 5: NÓI VỀ NGHIỆP (PHẦN 2)

Như phẩm trên đã nói: Do sức của đẳng khởi, hai nghiệp thân, ngữ thành thiện, bất thiện.

Có bao nhiêu đẳng khởi? Sức của đẳng khởi nào khiến cho nghiệp thân, ngữ thành thiện, bất thiện? Sự sai khác của đẳng khởi trái nhau như thế nào?

Tụng rằng:

*Đẳng khởi có hai thứ
Nhân và sát-na kia
Như thứ lớp, nên biết
Gọi chuyển, gọi tùy chuyển.
Kiến đoạn, thức chỉ chuyển
Chỉ tùy chuyển năm thức
Tu đoạn ý chung hai
Đều không do tu thành Đối
tánh chuyển thiện thấy Tùy
chuyển đều nhận ba Mâu-
ni thiện là đồng
Vô ký tùy hoặc thiện.*

Luận chép: Đẳng khởi của hai nghiệp thân, ngữ có hai, là đẳng khởi nhân và đẳng khởi sát-na. Vì làm nhân ở trước, vì có sát-na kia, như thứ lớp, đầu tiên, gọi là chuyển. Thứ hai gọi là tùy chuyển nghĩa là nhân đẳng khởi, khi sắp tạo tác nghiệp, thì nghĩ rằng: Nay, ta sẽ tạo tác nghiệp thích ứng như thế, như thế, vì có công năng dẫn phát, nên gọi là chuyển.

Đẳng khởi sát-na, ngay khi tạo nghiệp, nghiệp được dẫn phát nơi tâm chuyển vận trước, vì hiện hành cùng lúc, nên gọi là tùy chuyển.

Nếu không có tùy chuyển, thì dù có nhân trước làm công năng dẫn phát, như vị vô tâm, hoặc như thầy chết, biểu lẽ ra không chuyển. Tùy chuyển có công năng chuyển đối với biểu, vô biểu không dựa vào tùy chuyển mà chuyển, vì vô tâm cũng có vô biểu chuyển.

Như trên đã nói: Hoặc do kiến dứt vì chuyển môn nội, nên không thể phát khởi biểu.

Nếu vậy thì vì sao đáng Bạc-già-phạm nói: Vì là kiến nên khởi tà tư duy, tà nghiệp và tà mạng, v.v...

Điều này không trái với, vì thức do kiến dứt, đối với phát nghiệp biểu, chỉ công năng làm chuyển, ở trong công năng khởi biểu tâm, tứ sinh, vì làm tư lượng, nên không làm tùy chuyển. Ở vào lúc tâm của môn ngoài khởi nghiệp chân chính, vì ở đây không có, đó nên gọi là tâm do kiến dứt, làm nhân đẳng khởi, phát ra nghiệp thân, ngữ, chắc chắn không phải công năng làm đẳng khởi sát-na, thức do kiến dứt dù hay tư duy, cân nhắc mà không có công năng động thân, phát ngữ, nhưng ở trong động tác phát một nghiệp biểu, chấp nhận có nhiều tâm lo nghĩ, đo lường, phát động, chỉ một niệm sau đều hiện hành với biểu, khác với biểu này thì không phải tánh sát-na, thức do kiến dứt dù hay làm chuyển phát nghiệp của hữu biểu. Nhưng không phải nghiệp biểu ở sau thức này không xen hở mà sinh. Tâm chuyển ở môn trong, không thể dẫn khởi, vì thức đều có vận hành với thân, ngữ biểu. Nếu khác với thân, ngữ biểu này thì tâm do kiến dứt, lẽ ra cũng làm đẳng khởi sát-na đối với nghiệp biểu. Vì gia hạnh do tu dứt, ý thức có công năng Vô gián dẫn biểu, tâm đều hiện hành, cũng làm đẳng khởi sát-na, đều hiện hành với biểu, nên do kiến dứt, dù công năng làm nhân dẫn các nghiệp biểu, lia tu dứt, nhân tâm đẳng khởi biểu, tâm đều vận hành, không chấp nhận được khởi. Cho nên, ở cõi Dục không có nghiệp biểu hữu phú vô ký, nhưng trong Khế kinh chỉ y cứ chỗ lần lượt làm nhân đẳng khởi, mật ý nói: Vì tà kiến nên khởi tà ngữ, v.v... A-tỳ-đạt-ma y cứ kinh kia, không phải công năng Vô gián dẫn sinh biểu đều có hành, thức, nên mật ý nói, tâm do kiến dứt, vì chuyển biến môn trong, nên không phải công năng phát biểu. Cho nên, kinh luận về lý không trái nhau. Lại do kiến dứt, nếu phát khởi sắc biểu thì sắc này tức là sắc do kiến dứt, không phải kiến dứt ở trước đã thành lập, hoặc năm thức thân chỉ làm tùy chuyển, vì vô phân biệt, vì chuyển biến môn ngoài.

Về ý thức tu dứt có cả hai thứ: Vì có phân biệt, vì chuyển biến môn ngoài, do đó nên thành lập bốn luận chứng phân biệt:

1. Có khi chuyển không phải tùy chuyển, nghĩa là tâm do kiến

đạo dứt.

2. Có khi tùy chuyển không phải chuyển, nghĩa là năm thức nhãn thức, v.v...

3. Có khi chuyển, cũng là tùy chuyển: một phần ý thức do tu dứt.

4. Có khi không phải chuyển, tùy chuyển, nghĩa là tất cả thức do tu mà thành, vì tu thành vô phân biệt, nên thức dị thực sinh cũng làm tùy chuyển, như luận Thuận Chánh Lý thành lập nghĩa này.

Chuyển, tùy chuyển tánh thức là đồng chăng?

Không như vậy thì thế nào?

Nghĩa là chuyển thức trước, nếu là tánh thiện, sau thức tùy chuyển có cả ba thứ như thiện, v.v.... Bất thiện vô ký làm chuyển cũng vậy, chỉ Mâu-ni Tôn chuyển tùy chuyển thức, phần nhiều tánh đồng, ít có khác nhau. Nghĩa là chuyển nếu tâm thiện tùy chuyển cũng thiện, tâm chuyển nếu vô ký tùy chuyển cũng vậy. Đối với định sát-na nối tiếp vì không có mê, mà hoặc có vị thiện tùy chuyển vô ký, không hề có lúc nào vô ký tùy chuyển thiện, do Phật Thế tôn đối với tâm nói pháp, v.v... hoặc tăng trưởng, không có héo khô, cạn kiệt.

Đã nói chuyển tùy chuyển như thiện, v.v... đều có ba. Căn cứ ở tiêu chuẩn này, đủ làm minh chứng trong giải thích, đã phát các nghiệp thành thiện, ác, v.v..., tùy theo nhân đẳng khởi, không tùy theo sát-na. Khác với tâm thiện này đã dẫn phát nghiệp, đã cùng có với tâm bất thiện, vô ký.

Lý nào có thể ngăn dứt thành ác vô ký?

Tức là phải có tư duy riêng làm nhân dẫn sinh nghiệp loại của tánh riêng.

Như vậy, người siêng năng cố gắng muốn làm việc thiện, trái với nghiệp bất thiện,

Vô kỷ sinh, hoặc vì trái với đây, ấy là trái với chánh lý, nên nghiệp thành thiện, v.v..., chắc chắn do sức chuyển, không phải do sức tùy chuyển, lý đó khéo thành. Tuy nhiên, tùy theo các nghiệp vô biểu của tâm định, đều lúc, vì khởi một quả tâm, nên do tánh thiện của sức tùy chuyển được thành, chắc chắn lệ thuộc tâm này mà được sinh.

Nói về địa, cõi của nghiệp, luận phụ đã chu toàn. Lại, nên nói về tướng biểu, vô biểu ở trước. Tụng rằng:

Ba luật nghi vô biểu

Bất luật nghi, chẳng hai.

Luận chép: Nên biết vô biểu lược nói có ba:

1. Luật nghi.
2. Không luật nghi.
3. Không phải cả hai.

Không phải cả hai nghĩa là chẳng phải luật nghi, chẳng phải bất luật nghi. Vì công năng ngăn dứt, công năng diệt giới ác nối tiếp nhau, nên gọi là luật nghi.

Như thế sự sai khác của luật nghi có bao nhiêu?

Tụng rằng:

*Luật nghi biệt giải thoát
Tĩnh lự và đạo sinh.*

Luận chép: Sự sai khác của luật nghi lược có ba thứ:

1. Luật nghi biệt giải thoát, là giới cõi Dục.
2. Tĩnh lự sinh luật nghi, là giới cõi Sắc.
3. Luật nghi đạo sinh, là giới vô lậu.

Sự sai khác của tướng luật nghi đầu tiên như thế nào?

Tụng rằng:

*Luật nghi đầu, tám thứ
Thế thật chỉ có bốn
Hình chuyển gọi là khác
Đều khác không trái nhau.*

Luận chép: Sự sai khác của tướng luật nghi biệt giải thoát có tám:

1. Luật nghi Bí-sô.
2. Luật nghi Bí-sô-ni.
3. Luật nghi Chánh học.
4. Luật nghi Cần sách.
5. Luật nghi Cần sách nữ.
6. Luật nghi Cận sự.
7. Luật nghi Cận sự nữ.
8. Luật nghi Cận trụ.

Sự sai khác của tám thứ tướng luật nghi như thế, gọi chung là luật nghi biệt giải thoát thứ nhất.

Trong đây, dựa vào công năng tu, lìa hành vi ác và Bồ-đặc-già-la lìa hành dục, an lập sự sai khác của năm luật nghi trước. Do Bồ-đặc-già-la của loại như thế, cho đến khi chết, có công năng lìa bỏ các hành vi ác như sát sinh, v.v... và xa lìa được phi phạm hạnh. Kế là Bồ-đặc-già-la lại dựa vào công năng tu, lìa hành vi ác mà không phải lìa hạnh dục nên lập sự sai khác luật nghi của hai chúng suốt đời tại gia.

Do Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến khi chết có thể lìa các hành vi ác như sát sinh, v.v... mà không thể xa lìa phi phạm hạnh. Do đó, kinh chỉ nói thế này: “Lìa hạnh tà dục chẳng có gì không phải phạm hạnh”. Sau đó Bồ-đặc-già-la lại dựa vào công năng tu hành mà không phải hoàn toàn lìa hành vi ác, hạnh dục, nên an lập sự sai khác luật nghi một ngày một đêm cho chúng tại gia.

Bồ-đặc-già-la như thế không thể hoàn toàn lìa hành vi ác, các dục, vì khiến cho tập dần hoàn toàn lìa hành vi ác và các hạnh dục vì phương tiện trụ. Dù gọi có tám, nhưng thật thể chỉ có bốn:

1. Luật nghi Bí-sô.
2. Luật nghi Cần sách.
3. Luật nghi Cận sự.
4. Luật nghi Cận trụ.

Chỉ bốn thứ luật nghi biệt giải thoát này, đều có thật thể, tướng đều riêng. Vì sao? Vì lìa luật nghi Bí-sô, không có luật nghi Bí-sô-ni riêng. Lìa luật nghi Cần sách, không có luật nghi Cần sách nữ, chánh học riêng. Lìa luật nghi Cận sự, không có luật nghi Cận sự nữ riêng.

Làm sao biết như thế?

Do hình thay đổi thể, dù không xả được, nhưng danh có khác. Hình, là hình tướng, tức căn nam, nữ. Do hai căn này, nên hình nam, nữ khác nhau, chỉ do chuyển hình, khiến các luật nghi gọi là Bí-sô, Bí-sô-ni, v.v..., nghĩa là vị chuyển căn khiến cho luật nghi Bí-sô gốc, gọi là luật nghi Bí-sô-ni. Hoặc luật nghi Bí-sô-ni gọi là luật nghi Bí-sô, khiến cho luật nghi Cần sách gốc gọi là luật nghi Cần sách nữ. Hoặc luật nghi Cần sách nữ và luật nghi Chánh học, gọi là luật nghi Cần sách, khiến cho luật nghi Cận sự gốc, gọi là luật nghi Cận sự nữ. Hoặc luật nghi Cận sự nữ gọi là luật nghi Cận sự, không phải vị chuyển căn có xả trước được, vì trước đã được, chưa được nhân duyên luật nghi, nên bốn luật nghi không khác với ba thể. Nếu từ luật nghi Cận sự, thọ luật nghi Cần sách, lại từ luật nghi Cần sách thọ luật nghi Bí-sô. Ba luật nghi này vì thêm đủ phương tiện xa lìa, để đặt tên riêng, như một hai đồng tiền vàng và năm mươi, hai mươi làm thể, đều đầy đủ riêng sinh lập tức. Thể của ba thứ luật nghi không lìa nhau, tướng của chúng đều khác, đầy đủ sinh tức khác.

Trong ba luật nghi đủ ba lìa sát, mỗi lìa sát, thể của chúng đều khác, tùy theo đối tượng thích ứng khác, nên biết cũng vậy.

Do nhân duyên khác nhau nên thể khác nhau, như cầu thọ nhiều thứ học xứ.

Như thế, như thế lia được nhiều thứ: giường ghế cao rộng, uống các thứ rượu, v.v..., thời gian, chỗ kiêu mạn, buông lung, tức lia rất nhiều duyên khởi như sát, v.v..., do các xa lia dựa vào nhân duyên phát ra, nên nhân duyên xa lia có khác, nếu không có việc này thì xả luật nghi Bí-sô. Bây giờ, lẽ ra ba luật nghi đều xả. Hai luật nghi trước vì gồm nhiếp trong một luật nghi sau.

Vì không thừa nhận như vậy, nên cả ba luật nghi đều khác nhau. Nhưng ba thứ này không trái nhau, ở trong một thân đều lúc chuyển, không phải do sau khi thọ xả luật nghi trước. Chớ xả giới Bí-sô, vì ấy không phải cận sự, v.v..., vì trước đã xả hai luật nghi kia.

Bốn thứ luật nghi: Cận sự, cận trụ, cần sách và Bí-sô được sắp xếp như thế nào?

Tụng rằng:

*Thọ lia năm, tám, mười
Tất cả chỗ nên lia
Lập Cận sự, Cận trụ
Cần sách và Bí-sô.*

Luận chép: Nên biết trong đây như số thứ lớp, y cứ vào bốn xa lia, lập bốn luật nghi. Nghĩa là thọ lia năm pháp nên lia, kiến lập luật nghi Cận sự thứ nhất.

Năm pháp nên lia gồm có:

1. Sát sinh.
2. Không cho mà lấy.
3. Hạnh tà dục.
4. Nói lừa dối.
5. Uống các thứ rượu.

Nếu thọ lia tám pháp nên lia, kiến lập luật nghi Cận trụ thứ hai, tám pháp cần nên lia là:

1. Sát sinh.
2. Không cho mà lấy.
3. Phi phạm hạnh.
4. Nói lừa dối.
5. Uống các thứ rượu.
6. Thoá, trang sức hưởng, đeo tràng hoa, múa, ca, xem, nghe.
7. Ngồi nằm, giường ghế cao, rộng, đẹp đẽ.
8. Ăn thức ăn phi thời.

Nếu thọ lia mười pháp cần nên lia, kiến lập luật nghi Cần sách thứ ba.

Mười pháp cần nên lia đó.

Là tám pháp trước: Thoa hương, đeo tràng hoa, múa, ca, xem, nghe, chia thành hai thứ. Lại, thêm thọ chứa báu vàng, bạc, v.v... thành mười. Vì dẫn sinh khiếp sợ rất nhiều học xứ, hữu tình tại gia, vì chứng tỏ dễ thọ trì, nên ở tám giới hợp với hai làm một. Như Phật vì Túc Thị tử lược nói học xứ có ba. Nếu thọ lia tất cả, thì nên lia nghiệp thân, ngữ, kiến lập luật nghi Bí-sô thứ tư luật nghi biệt giải thoát, các danh từ sai khác. Tụng rằng:

*Cùng được tên Thi-la
Hạnh nghiệp luật nghi diệu
Chỉ biểu đầu vô biểu.
Gọi đạo Biệt giải thoát.*

Luận chép: Vì trong mát, nên gọi là Thi-la. Thi-la trong đây nghĩa là bình trị. Vì giới, công năng bình nghiệp nguy hiểm, nên được lên thi-la, được người hiểu biết biểu dương, ca tụng, nên gọi là hạnh diệu. Hoặc vì tu hành Thi-la này được quả ái, vì tạo tác, tự thể nên gọi là nghiệp, cũng gọi là luật nghi, đã giải thích như trước.

Như cho nên biết giới biệt giải thoát, có cả vị đầu tiên, sau không có tên khác nhau, chỉ biểu sát-na đầu tiên và vô biểu, được biệt giải thoát và tên đạo nghiệp. Nghĩa là lúc thọ giới, vô biểu của biểu đầu tiên vì từ bỏ các việc ác, nên y cứ ở nghĩa xả của biệt đầu tiên, đặt tên Biệt giải thoát. Hoặc vì biệt đầu tiên được ứng với tu, nên gọi là biệt giải thoát. Hoặc biệt kia đầu tiên khởi rất có thể vượt qua như ngục, đường ác hiểm, nên gọi là biệt giải thoát, tức biểu của sát-na đầu tiên và vô biểu, cũng được gọi là đạo nghiệp căn bản. Đầu tiên, ngăn ngừa thân, ngữ, vì rất thích hợp nghiệp tư, nên từ niệms thứ hai cho đến chưa xả, không gọi là biệt giải thoát, gọi là luật nghi biệt giải, không gọi là đạo nghiệp, chỉ gọi là khởi sau.

Đã nói về an lập khác nhau về luật nghi, nay sẽ nói về luật nghi thành tựu khác nhau. Ai thành tựu luật nghi nào?

Tụng rằng:

*Tám thành biệt giải thoát
Bậc Thánh được tinh lự
Thành tinh lự đạo sinh
Hai sau tùy tâm chuyển.*

Luận chép: Tám chúng đều thành tựu luật nghi biệt giải thoát. Nghĩa là từ Bí-sô cho đến Cận trụ. Tinh lự sinh, nghĩa là luật nghi này do từ tinh lự sinh hoặc dựa vào tinh lự sinh. Nếu người được tinh lự thì

chắc chắn sẽ thành. luật nghi này, quyển thuộc tĩnh lự cũng gọi là tĩnh lự đạo sinh. Luật nghi bậc Thánh đều thành tựu đạo này. Lại, hai thứ, nghĩa là Hữu học, Vô học, trong ba luật nghi đã nói ở trước, tĩnh lự đạo sinh, tùy tâm mà chuyển, không phải biệt giải thoát, vì sao? Vì tâm khác, vô tâm cũng thường chuyển nên hai thứ luật nghi vô lậu tĩnh lự cũng gọi là luật nghi dứt.

Căn cứ vào vị nào để kiến lập?

Tụng rằng:

*Chín Vô gián, Vị chí
Câu sinh hai, gọi đoạn.*

Luận chép: Chín đạo Vô gián trong định Vị chí, luật nghi vô lậu của tĩnh lự câu sinh, do giới có công năng dứt hẳn triền dục, giới ác và công năng khởi hoặc, gọi là luật nghi dứt, chỉ trong định Vị chí, vì có đối trị dứt. Do đó, chỉ gồm nhiếp chín đạo Vô gián. Trong đây, Thi-la vì diệt giới ác, hoặc có luật nghi tĩnh lự, không phải luật nghi dứt, nên có bốn luận chứng:

1. Trừ định Vị chí, chín đạo Vô gián, luật nghi tĩnh lự hữu lậu khác.
2. Dựa vào luật nghi vô lậu của chín đạo Vô gián trong định vị chí.
3. Căn cứ vào luật nghi hữu lậu của chín đạo Vô gián trong định vị chí.
4. Trừ chín đạo Vô gián trong định Vị chí, tất cả luật nghi vô lậu khác.

Như vậy, hoặc có luật nghi vô lậu, không phải luật nghi dứt, nên có bốn luận chứng: Nghĩa là theo thứ lớp trái với bốn luận chứng trước, nên biết.

Nếu vậy Đức Thế tôn đã lược nói về giới.

*Lành thay! Luật nghi thân
Lành thay! Luật nghi ngữ
Lành thay! Luật nghi ý
Luật nghi khắp, lành thay!*

Lại, Khế kinh nói: Nếu khéo giữ gìn, nên khéo an trụ luật nghi nhãn căn.

Luật nghi ý căn này lấy gì làm tự tánh?

Tự tánh của hai căn này chẳng phải vô biểu sắc.

Nếu vậy là sao?

Tụng rằng:

*Chánh tri hợp chánh niệm
Gọi luật nghi ý căn.*

Luận chép: Luật nghi ý căn, mỗi luật nghi đều dùng chánh tri, hợp với chánh niệm làm tự thể, nên Khế kinh nói: Mắt thấy sắc rồi, không mừng, không lo, thường an trụ, xả chánh tri, chánh niệm. Như vậy, cho đến ý rõ pháp rồi, liệt kê danh riêng rồi, nói lập lại, hợp nói, ngăn dứt, nghĩa là hai luật nghi. Như thứ lớp hai làm thể. Nay, nên tư duy lựa chọn biểu và vô biểu.

Ai thành tựu giới hạn nào? Thời phần nào? Vả lại, nói về thành luật nghi, bất luật nghi vô biểu.

Tụng rằng:

*Trụ vô biểu biệt giải
Chưa xả thường thành hiện
Sau sát-na thành quá
Bất luật nghi cũng vậy.
Được luật nghi tĩnh lự
Thường thành quá và vị
Thánh, đầu trừ quá khứ
Trụ đạo định thành giữa.*

Luận chép: trụ Bồ-đặc-già-la biệt giải thoát, từ sát-na đầu tiên, cho đến chưa gặp các duyên xả giới của xả học xứ, v.v..., thường thành hiện thế gian. Vô biểu của luật nghi biệt giải thoát này, sau sát-na đầu tiên cũng thành quá khứ, nói chưa xả ở trước, truyền đi đến sau, như nói an trụ luật nghi biệt giải thoát. Trụ bất luật nghi, nên biết cũng vậy, nghĩa là từ niệm đầu cho đến chưa thọ luật nghi, v.v..., xả duyên giới ác thường thành vô biểu giới ác hiện thế gian. Sau sát-na đầu tiên, cũng thành quá khứ. Đối với hữu tình đạt được luật nghi tĩnh lự, cho đến chưa xả đến nay, phần nhiều luôn thành quá khứ, vị lai. Sự sinh trước đã mất luật nghi của định quá khứ.

Nay, sát-na đầu tiên, sẽ lại được luật nghi kia, nên thuận với luật nghi định thuộc về phần quyết trạch. Trong sát-na đầu tiên, không thành quá khứ, sự sinh khác khi đã được xả lúc chết. Sự sinh hiện nay không chấp nhận lại được pháp kia. Vì phân biệt pháp kia, nên nói phần nhiều nói luật nghi vô lậu. Tất cả bậc Thánh phần nhiều thành quá khứ, vị lai, chỉ sát-na đầu tiên không thành quá khứ. Vì Thánh đạo của loại này ở trước chưa sinh. Xưa chưa hề được sáng lập, được gọi là đầu, vì trước được rồi mất. Nay khi sáng lập được, cũng được quá khứ.

Đã từng sinh: Sau sát-na đầu tiên, cho đến chưa xả, cũng thành

quá khứ, thành tựu vị lai, cho đến chưa bát Niết-bàn vô dư. Nếu nhập tính lự vào đạo vô lậu, thì như thứ lớp thành luật nghi của đạo tĩnh lự, không phải khi xuất quán có thành hiện tại, vì vô biểu của đạo định tùy tâm chuyển, nên tâm tán hiện tiền, thì không có vô biểu của đạo định kia.

Đã nói về an trụ luật nghi thiện, ác, trong trụ thì thế nào?

Tụng rằng:

*Trong trụ có vô biểu
Trước thành giữa, sau hai.*

Luận chép: Nói trong trụ, nghĩa là phi luật nghi, phi bất luật nghi. Nghiệp đã khởi không hẳn tất cả đều có vô biểu. Nếu có vô biểu tức là giới thiện, hoặc thuộc về chủng loại giới ác, hoặc không phải hai loại. Sát-na đầu liên kia chỉ thành thế gian giữa, nghĩa là thành hiện tại. Đây là vì trong quá khứ, vị lai, nên sau sát-na đầu tiên chưa xả đến nay, thường thành vô biểu của hai đời quá khứ, hiện tại.

Nếu có an trụ luật nghi, bất luật nghi, thì có thành tựu vô biểu thiện, ác hay không? Nếu có thành tựu thì trải qua thời gian bao lâu?

Tụng rằng:

*Trụ luật, bất luật nghi
Khởi vô biểu nhiễm, tịnh
Đầu, thành giữa, sau hai
Đến nhiễm, tịnh sau cùng.*

Luận chép: Nếu trụ luật nghi do phiền não vượt hơn, tạo ra các nghiệp bất thiện như sát phước, v.v... Do đó phát khởi bất thiện vô biểu, trụ bất luật nghi. Do tín tịnh thuần khiết, làm các nghiệp thiện tốt đẹp như: lễ Phật, v.v... Do đó cũng phát khởi các thiện vô biểu, cho đến hai tâm này chưa dứt đến nay, đã phát vô biểu thường nối tiếp nhau, nhưng niệm đầu tiên kia, chỉ thành hiện tại. Niệm thứ hai, v.v... có cả thành quá khứ, hiện tại.

Đã nói về vô biểu, thành nghiệp biểu thì thế nào?

Tụng rằng:

*Biểu chánh tạo thành giữa
Sau thành quá, phi vị
Hữu phú và vô phú
Chỉ thành tựu hiện tại.*

Luận chép: Tất cả an trụ luật nghi, bất luật nghi và trụ ở giữa, cho đến chánh tạo tác các nghiệp biểu đến nay thường thành hiện biểu. Sau sát-na đầu tiên đến chưa xả về sau thường thành quá khứ, không thành

tự biểu vị lai, nghĩa là không thuận theo sắc, tâm thế gian vì yếu kém, nên các vô biểu tán, cũng đồng với giải thích này.

Hữu phú vô phú cũng là biểu vô ký, chắc chắn không có công năng thành tựu quá khứ, vị lai, vì sức pháp yếu kém, nên chỉ có công năng dẫn khởi pháp đều có hành đắc, vì sức đắc thua kém, nên không thể dẫn sinh tự loại nối tiếp nhau, có thể pháp diệt rồi, đuổi theo đắc, nói thành, cũng không có công năng trái với pháp đương lai của đắc.

Lẽ nào không phải biểu này như tâm, năng khởi, rẽ ra cũng có thành đời quá khứ, vị lai nghĩa là sức biểu này yếu kém chăng?

Chính vì sự yếu kém của biểu kia, nên lời trách cứ này phi lý, vì đối tượng khởi yếu kém so với tâm, năng khởi. Vì sao? Vì như tâm vô ký, chủ thể phát nghiệp biểu, nghiệp biểu, đối tượng phát, vì bất sinh vô biểu, nên biết đối tượng khởi yếu kém so với tâm, năng khởi.

Như danh luật nghi đã có khác nhau, hiệu là bất luật nghi cũng có khác nhau chăng?

Cũng có.

Việc này là thế nào?

Tụng rằng:

Hành ác, nghiệp giới ác

Nghiệp đạo bất luật nghi.

Luận chép: Hành vi ác này là tên khác của năm thứ, là sự sai khác của danh bất luật nghi, là điều mà những người hiểu biết quả trách. nhằm chán. Vì quả phi ái, nên đặt tên hành ác, vì chương ngại thi-la thanh tịnh, nên gọi là giới ác, vì đối tượng tạo tác của thân, ngữ, nên gọi là nghiệp. Từ nghiệp, công năng thích hợp thuộc về căn bản, vì con đường mà nghiệp đã đi, nên gọi là nghiệp đạo, thân, ngữ bất tịnh gọi là bất luật nghi. Nhưng danh từ đạo nghiệp chỉ gọi niệm đầu tiên đi suốt qua vị trước, sau, để đặt ra bốn danh khác. Nay, nên tư duy lựa chọn.

Nếu đã thành tựu biểu, thì có thành tựu vô biểu hay chăng?

Nên tạo ra bốn luận chứng: Tụng rằng:

Thành biểu phi vô biểu

Trụ giữa kém, tư tác

Xả chưa sinh biểu định

Thành vô biểu, phi biểu.

Luận chép: Chỉ thành tựu biểu, phi vô biểu. Nghĩa là trụ phi luật nghi, phi bất luật nghi. Thiện, ác yếu kém, tư tạo thiện, tạo ác. Hai nghiệp thân, ngữ chỉ có công năng phát biểu, đây còn không có khả năng phát nghiệp vô biểu, hướng chi biểu mà các tư vô ký được phát.

Trừ hữu dựa vào phước và thành đạo nghiệp. Biểu kia dù yếu kém, nhưng vì tư khởi cũng phát vô biểu, nên chỉ thành vô biểu, không phải nghiệp biểu. Nghĩa là Bồ-đặc-già-la được tĩn lự, nay biểu chưa sinh, sinh trước đã xả, đều thành phi luận chứng, như lý nên tư duy.

Như thế, kiến lập biểu và vô biểu thành tựu rồi, ở trong đó sự sai khác giữa ba thứ luật nghi thế nào mà được?

Tụng rằng:

*Định sinh được tĩn lự
Thánh kia được đạo sinh
Luật nghi biệt giải thoát
Được do người khác dạy.*

Luận chép: Luật nghi tĩn lự đều có được với tâm. Nếu được căn bản phần gần hữu lậu, luật nghi tĩn lự, tâm của địa tĩn lự. Bấy giờ, vì được tâm cùng có, nên từ cõi Vô sắc mất, khi sinh cõi Sắc, tùy theo được tĩn lự sinh đắc trong địa kia, tức cũng được luật nghi cùng vận hành, luật nghi vô lậu cũng đi chung với tâm. Nếu được tâm địa tĩn lự, phần căn bản đến gần vô lậu, lúc ấy bèn được tiếng vô lậu kia làm sáng tỏ tâm tĩn lự ở trước. Lại nói lời Thánh gọi là phân biệt lấy sáu địa tĩn lự vô lậu, có tâm vô lậu. Nghĩa là định Vị chí, trung gian và bốn định căn bản, không phải ba phần gần (Như ở sau sẽ nói).

Luật nghi biệt giải thoát, do đắc giáo, v.v... của người khác, do công năng người khác giáo hóa, gọi là vì người khác.

Từ sức giáo hóa do người khác phát giới như thế, nên nói giới này được do người khác giáo hóa. Giới này lại có hai thứ, nghĩa là từ Bồ-đặc-già-la, Tăng già, vì có khác nhau. Từ Tăng già được, nghĩa là Bí-sô, Bí-sô-ni và chánh học giới. Từ Bồ-đặc-già-la được, nghĩa là năm thứ giới khác. Các sư Tỳ-bà-sa trong Tỳ nại da nói có mười thứ được giới, cụ túc. vì gồm nhiếp mười thứ kia, nên lại nói. Mười thứ đó là:

1. Do tự nhiên: Nghĩa là Phật, Độc giác tự nhiên, tức trí do không từ sư chứng, khi trí này được giới cụ túc.
2. Do Đức Phật bảo: “Thiện lai Tỳ-kheo!”. Như Da-xá, v.v..., do năng lực ả nguyện, do oai tức Phật che chở.
3. Do được nhập chánh tánh ly sinh: Như năm Bí-sô do chứng kiến đạo, được giới cụ túc.
4. Do tín nhận Phật làm Đại sư: Như Đại Ca-diếp.
5. Do khéo đáp câu hỏi: Như Tô-đà-di.
6. Do kính thọ tám pháp tôn trọng: Như Đại Sinh chủ.
7. Do sai khiến: là pháp truyền trao cho Ni.

8. Do giữ luật là người thứ năm: là ở biên giới của nước.

9. Do Thập chúng: Nghĩa là ở giữa nước nơi Phật pháp lưu hành.

10. Do ba lần nói: Quy Phật, Pháp, Tăng, như sáu mươi Hiền bộ, nhóm hợp chung, thọ cụ giới.

Trong đây, hoặc sức ả nguyện, hoặc do a-thế-da viên mãn tốt bực, hoặc được oai thần của đức Bạc-già-phạm che chở, tùy theo sự thích ứng của mình, được giới cụ túc.

Như thế đã nói về luật nghi biệt giải thoát. Nên giới hạn thời gian bao lâu? kỳ hạn cần thiết mà thọ. Tụng rằng:

Luật nghi biệt giải thoát

Suốt đời hoặc ngày, đêm.

Luận chép: Bảy chúng đã dựa vào giới biệt giải thoát, nhưng phải thọ suốt đời.

Cận trụ nương theo giới biệt giải thoát, chỉ thọ trong một ngày, đêm.

Thời gian này được ấn định như vậy.

Vì sao như thế?

Vì không phải nghĩa lý tương ứng với Tỳ-nại-da, không phải đáng Nhất thiết trí có khả năng đo lường trắc nghiệm sự thật kia.

Có sư khác nói: Đức Thế tôn biết hạn mức thời gian của giới chỉ có hai thứ:

1. Hạn mức trọn đời

2. Hạn mức ngày, đêm.

Lại nói ngày, đêm là nửa tháng, v.v..., nên Phật chỉ nói hai thời gian thọ giới. Do trong kinh, Đức Phật chỉ nói ngày đêm, nên phái Đối Pháp cũng nói thế này: Luật nghi cận trụ chỉ thọ một ngày một đêm, nên có pháp làm chướng ngại, khiến cho quá ngày đêm, giới người kia thọ bất sinh tiếp, nên trong Kinh Phật chỉ nói ngày đêm, không nói thời gian hoặc năm, hoặc mười., v.v...

Nhưng, có nói: Đức Phật quán sát căn cơ đã được giáo hóa khó điều phục. Vả lại, nên trao cho giới một ngày đêm, chẳng phải không vượt qua thời gian này.

Căn cứ vào lý, giáo nào để nói như thế?

Vì vượt qua thời gian này, giới sinh, không trái với lý.

Lại, kém hạn thời gian này, trái với lý nào?

Nghĩa là căn cơ đã được giáo hóa có khó điều phục: Đã thừa nhận vì nói luật nghi một ngày một đêm.

Sao không vì điều phục dần kẻ khó điều phục?

Nói chỉ thời gian một ngày, một đêm, là do căn tánh khó điều phục, có nhiều phẩm, nhưng không hề nói do đó biết có thời gian chắc chắn của cận trụ, hoặc giảm, hoặc tăng, ấy là không phát giới.

Vì Đức Thế tôn quán sát thấy, nên chỉ nói cận trụ này y cứ ở bờ mé nào được bất luật nghi?

Tụng rằng:

*Giới ác không ngày đêm
Do không như thọ thiện.*

Luận chép: Phải suốt thế gian gây tạo các nghiệp ác, được bất luật nghi, không phải một ngày đêm như giới cận trụ. Vì sao? Vì giới ác này không phải thọ như giới thiện, nghĩa là không có lập kỳ hạn, đối trước thầy thọ bất luật nghi, như giới cận trụ: “Trong một ngày đêm tôi quyết định thọ bất luật nghi”. Vì là nghiệp bị người trí quả trách, nhàm chán, nên dù cũng không có lập kỳ hạn, đối trước thầy: “Tôi sẽ tạo các nghiệp ác suốt thế gian” mà là do phát khi ý ưa hủy hoại việc thiện, muốn mãi mãi làm ác, được bất luật nghi, không phải khởi ý ưa thích tạo tác tạm thời, vì không có thầy mà có được bất luật nghi, nên bất luật nghi không có một ngày đêm. Nhưng công đức của giới cận trụ có thể ưa chuộng, do hiện đối trước thầy phải tùy sức thọ, dù không có ý ưa thích rất ráo hủy hoại việc ác, mà vì trong một ngày đêm được luật nghi cận trụ. Vì cho nên được bất luật nghi khác hẳn với được luật nghi.

Nói luật nghi cận trụ một ngày đêm, khi muốn chánh thọ, sẽ thọ như thế nào?

Tụng rằng:

*Cận trụ lúc sáng sớm
Dưới tòa theo thầy thọ
Tùy giáo nói đủ chi
Ngày đêm là trang sức.*

Luận chép: Luật nghi cận trụ, thọ vào lúc sáng sớm. Nghĩa là thọ giới này, phải là khi mặt trời mọc. Giới này vì phải trải qua một ngày đêm, nên các hữu tình trước lập ra kỳ hạn cần thiết như vậy: Tôi sẽ thường quyết định thọ luật nghi cận trụ này vào ngày mồng tám, v.v... trong tháng. Nếu sáng sớm có duyên trở ngại, thì sau khi thọ trai xong cũng được thọ.

Nói hạ tọa, là ngồi thấp ở trước thầy thân tâm khiêm kính. Thân khiêm kính là hoặc ngồi xổm, hoặc quỳ, cúi gập mình xuống chấp tay, chỉ trừ bị bệnh.

Tâm khiêm kính: Đối với thầy truyền giới, tâm không khinh mạn.

Đối với Tam bảo, phát sinh tâm tín tịnh, đặc biệt tôn trọng, ân cần, vì các luật nghi từ sự kính tín phát. Nếu không khiêm kính, thì không phát luật nghi. Luật nghi này phải từ thầy không chấp nhận tự thọ. Về sau, nếu gặp các duyên phạm giới, do thẹn đối với giới sư, có thể không trái phạm, nghĩa là nghi thọ kia dù thiếu tăng thượng pháp mình, do tăng thượng thế gian, cũng có thể không phạm.

Thọ luật nghi này nên thuận theo lời thầy dạy, người trao giới về sau nói: Đừng làm... trước hết đừng cùng có như vậy mới thành từ sư giáo, thọ. Khác với sự truyền thọ này, cả hai đều không thành. Phải thọ đủ tám chi mới thành cận trụ, hề thiếu chỗ nào thì cận trụ sẽ không thành, vì các chi xa lìa lệ thuộc lẫn nhau. nên do bốn thứ này lìa chi sát, v.v..., ở trong một thân có thể đáp cùng thời gian, do các thứ xa lìa trong lệ thuộc nhau, hoặc nhiều, hoặc ít, vì khác nhau nhau.

Người thọ giới này, tâm lìa sự trang sức, vì chỗ kiêu mạn, buông lung, thường nghiêm thân đủ, không cần phải xả, do duyên, giới kia không thể sinh kiêu mạn, buông thả của mình, như là mới đối khác, nên thọ luật nghi này, tâm cần ngày đêm. Nghĩa là đến sáng sớm, lúc mặt trời vừa mới mọc, trải qua thời gian như thế, giới thường nối tiếp nhau. Khác với người thọ này, cho dù sinh hạnh mầu cũng vẫn không được luật nghi. Tuy nhiên vì khiến chiêu cảm quả đáng ưa, nên lẽ ra cũng là thọ.

Nói cận trụ, nghĩa là luật nghi này trụ gần A-la-hán, do theo học A-la-hán kia.

Có nói: Giới này đến gần giới trụ suốt thế gian

Có nói: Khi giới này đến gần mà trụ suốt thế gian. Luật nghi như thế hoặc gọi là nuôi lớn, nuôi lớn căn thiện mỏng ít của hữu tình khiến cho căn thiện hữu tình kia tăng dần nhiều.

Vì sao thọ luật nghi cận trụ này phải đủ tám chi, không dưới, không hơn?

Tụng rằng:

*Chi giới không buông lung
Bốn, một, ba thứ lớp
Vì ngừa các tánh tội
Thất niệm và kiêu, dật.*

Luận chép: Trong tám, bốn trước là chi Thi-la, nghĩa là lìa sát sinh đến lìa lời lừa dối. Do bốn thứ này lìa tánh tội. Kế có một thứ là chi không buông lung, nghĩa là lìa uống các thứ rượu, sinh buông lung. Dù thọ Thi-la, nếu uống các thứ rượu thì tâm buông lung, hủy phạm

Thi-la, say thì không thể giữ gìn chi khác. Ba thứ sau là chi cấm. Nghĩa là lia thoa, trang sức hương, tràng hoa, cho đến ăn phi thời, vì công năng thuận theo tâm chán lia, nên chán lia có thể chứng quả luật nghi.

Vì sao thọ đủ ba chi như thế? Nếu chi không đủ, ấy là không có khả năng lia lỗi của tánh tội, thất niệm, kiêu mạn, buông lung. Nghĩa là đầu tiên lia sát, cho đến nói dối, công năng ngăn ngừa tánh tội, lia tham, sân, si, đã khởi các nghiệp ác như sát sinh, v.v... Kế là lia uống rượu, có thể ngăn ngừa thất niệm, do khi uống rượu hay khiến quên mất, nên, không nên tạo ra các sự nghiệp, thì không thể thủ hộ chi xa lia khác. Kế là, lia ba pháp còn lại có thể ngăn ngừa kiêu mạn, buông lung, vì nếu thọ dụng các thứ hương, tràng hoa, giường ghế cao rộng, tâm tập cận ca múa, ấy là kiêu mạn, cao ngạo, tức hủy hoại giới. Vì lia các việc ấy, nên tâm ấy là lia kiêu mạn. Nghĩa là hương, tràng hoa, v.v... nếu thường thọ dụng, là còn thuận với kiêu mạn là duyên phạm giới, huống chi thọ mới, chưa hề thọ, nên tất cả thứ đều nên lia bỏ. Nếu người có khả năng vâng giữ, ăn đúng thời, vì công năng ngăn dứt thường ăn, ấy là ghi nhớ tự thọ luật nghi cận trụ, có thể sinh tâm chán lia thế gian sâu xa. Nếu hai sự phi thời thực, đều không có, vì thường ăn thì khiến tâm buông lung, buông thả. Do đó, vì nghĩa lớn nên thọ đủ ba. Trong tám chi này, lia ăn phi thời là trai, cũng là chi trai, bảy chi còn lại là chi trai, không phải trai, như chánh kiến là đạo, cũng là chi đạo, bảy chi còn lại là chi đạo, không phải đạo, vì chỉ cận sự được thọ cận trụ, vì pháp khác cũng có thọ cận trụ chẳng?

Tụng rằng:

*Cận trụ khác cũng có Chẳng thọ Tam quy:
không.*

Luận chép: Các hữu tình chưa thọ luật nghi cận sự trong một ngày đêm quy y Tam bảo, nói ba quy y rồi, thọ giới cận trụ, hữu tình kia cũng thọ được luật nghi cận trụ. Khác với luật nghi này thì không có, trừ người không biết, do sức ý ưa thích cũng phát luật nghi.

Lẽ nào không phải ba quy thì thành cận sự! Như Khế kinh nói: Phật bảo Đại Danh: Có các người nam bạch y tại gia, nam căn thành tựu, quy y Phật, Pháp, Tăng, khởi tâm tịnh ân cần, phát lời nói thành khẩn chân thật, tự xưng ta là Ô Ba-sách-ca, nguyện vâng nhớ giữ, từ bi hộ niệm, chỉ đồng với danh gọi là Ô-ba-sách-ca. Danh này không trái với thọ vị ba quy mà chưa thành cận sự. Vì sao? Vì phải phát khởi luật nghi thành cận sự.

